

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ  
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/HNGĐ-ST

Ngày 16 - 11 - 2021

V/v: Kiện xin ly hôn

và nuôi con chung.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ- TỈNH HÀ NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Chương và ông Nguyễn Việt Hùng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa:** Ông Trương Hoàng Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2021 về việc tranh chấp “Kiện xin ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2021/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị Kiều O, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn 1, xã P, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

**2. Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

(Phiên tòa có mặt chị O; vắng mặt anh Q)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn chị Phạm Thị Kiều O trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn Q trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện D (nay là thành phố P), tỉnh Hà Nam vào ngày 06 tháng 3 năm 2009. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong cuộc sống vợ chồng không tin tưởng nhau, anh Q ghen tuông, nghi ngờ chị ngoại tình, thường xuyên đánh chửi chị, chị giải thích nhưng anh Q

không nghe; bên cạnh đó giữa chị và mẹ chồng cũng mâu thuẫn nặng nề. Năm 2020 vợ chồng chị đã sống ly thân một thời gian, sau đó được hai bên gia đình khuyên giải và anh Q đã xin lỗi chị nên vợ chồng lại về chung sống, nhưng anh Q không thay đổi tính nết, vẫn đánh chửi chị vô cớ. Chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 6/2021, vợ chồng chính thức sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

Tại bản tự khai ngày 10/8/2021, bị đơn anh Nguyễn Văn Q trình bày:

Anh nhất trí với chị O trình bày về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn. Theo anh thì vợ chồng anh không có mâu thuẫn lớn mà chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong sinh hoạt hàng ngày, không đánh cãi chửi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng từ việc chị O sử dụng điện thoại làm ảnh hưởng đến anh, anh khuyên bảo nhưng chị O không nghe, chị O đã xin phép bố mẹ anh để chuyển ra ở riêng. Vợ chồng anh sống ly thân từ tháng 6 năm 2021 đến nay, anh có đến nhà bố mẹ đẻ chị O để tìm chị O nhưng không gặp, anh gọi điện thoại cũng không liên lạc được. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không đồng ý ly hôn với chị O.

Về con chung: Anh chị thống nhất vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị V, sinh ngày 05/02/2010 (con gái) và Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 09/01/2014 (con gái). Hiện nay cả hai cháu đều đang ở với anh Q. Khi ly hôn chị O có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cháu Ngọc A và để anh Q nuôi dưỡng cháu V; anh Q có nguyện vọng xin được nuôi cả 02 cháu. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Về con nuôi, con riêng: không có.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ: Anh chị thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tại phiên tòa hôm nay: Chị O thay đổi quan điểm về phần nuôi con chung, chị đề nghị Hội đồng xét xử giao cả 2 con chung là các cháu Nguyễn Thị V và Nguyễn Thị Ngọc A cho anh Q tiếp tục nuôi dưỡng, chị đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung là 1 triệu đồng/1 cháu/1 tháng kể từ tháng 12/2021 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, việc cấp dưỡng được thực hiện theo định kỳ hàng tháng. Các nội dung khác chị xin giữ nguyên yêu cầu và quan điểm như đã trình bày trước đó tại Tòa án, không thay đổi, bổ sung gì.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX), những người tham gia tố tụng, ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: Thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

+ Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay HĐXX và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của các đương sự tại phiên tòa. Đề nghị HĐXX xem xét, quyết định:

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 68, 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Xử lý ly hôn giữa chị Phạm Thị Kiều O và anh Nguyễn Văn Q.

2/ Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn Q được quyền nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 09/01/2014 và cháu Nguyễn Thị V, sinh ngày 05/02/2010. Chị O có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung là 1 triệu đồng/1 cháu/1 tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

3/ Về án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Phạm Thị Kiều O có đủ cơ sở xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì anh Nguyễn Văn Q có nơi cư trú tại thôn T, xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về xét xử vắng mặt: Tại phiên tòa lần 1 vào ngày 01/11/2021, bị đơn anh Nguyễn Văn Q vắng mặt không có lý do nên HĐXX đã hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Nguyễn Văn Q vắng mặt nhưng trước đó đã có bản tự khai thể hiện quan điểm. Do đó, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Chị Phạm Thị Kiều O và anh Nguyễn Văn Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 06/3/2009 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện D (nay là thành phố P), tỉnh Hà Nam đã thỏa mãn với điều kiện, thủ tục kết hôn được Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị O, HĐXX thấy:

Sau khi kết hôn thì vợ chồng chị O và anh Q đã có thời gian chung sống hạnh phúc và sinh được 02 người con chung, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không tin tưởng nhau, anh Q hay ghen tuông vô

cớ, nghi ngờ chị O có quan hệ ngoại tình, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đánh cãi chửi nhau. Đầu năm 2020, vợ chồng anh chị đã có thời gian sống ly thân nhau, sau đó được hai bên gia đình khuyên giải nên anh chị về chung sống nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không được cải thiện. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên từ tháng 6/2021 chị O về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, được đôi bên thừa nhận. Anh Q mặc dù xin đoàn tụ nhưng không có biện pháp nào để khắc phục tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng; tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa anh Q đều vắng mặt không có lý do, thể hiện việc anh Q xin đoàn tụ là không thiện chí, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Xét thấy, cuộc hôn nhân của vợ chồng chị O, anh Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 6/2021 đến nay, do vậy cần xử cho ly hôn giữa chị O và anh Q là phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị V, sinh ngày 05/02/2010 và cháu Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 09/01/2014. Hội đồng xét xử thấy rằng, việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con cái, song việc giao con cho ai nuôi phải xem xét đến điều kiện, hoàn cảnh của mỗi bên và đảm bảo sự ổn định cuộc sống của các cháu. Tại phiên tòa chị O thay đổi quan điểm, chị đề nghị giao cả 2 cháu cho anh Q nuôi dưỡng và chị đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung là 1 triệu đồng/1 cháu/1 tháng. Xét thấy, cả chị O và anh Q đều có điều kiện để nuôi dưỡng con chung, tuy nhiên các cháu đang ở với anh Q cuộc sống rất ổn định, được anh Q chăm sóc chu đáo, bên cạnh đó thì nguyện vọng của các cháu đều xin được ở với bố. Do vậy, HĐXX cần chấp nhận sự tự nguyện của chị O, giao cháu Nguyễn Thị V và cháu Nguyễn Thị Ngọc A cho anh Q nuôi dưỡng, quản lý, giáo dục. Chị O có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Q 1.000.000đ/1 cháu/1 tháng kể từ tháng 12/2021 đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Con nuôi, con riêng: Anh chị đều xác định không có nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung, công sức đóng góp: Chị O, anh Q đều xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 143; 144; 147; 227; 228; 271; 273; 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83; 107; 110; 116; 117; 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Kiều O và anh Nguyễn Văn Q.

2/ Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn Q trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 09/01/2014 và cháu Nguyễn Thị V, sinh ngày 05/02/2010 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị O có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Q đối với cháu V và cháu Ngọc A, mỗi cháu là 1.000.000đ (một triệu đồng)/1 tháng kể từ tháng 12/2021 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; việc cấp dưỡng được thực hiện theo định kỳ hàng tháng.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3/ Về án phí: Chị O phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Đối trừ với 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2015/0006057 ngày 29/7/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, chị O còn phải tiếp tục nộp số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm, chị O có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Q vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND TP Phủ Lý;
- Chi cục THADS TP Phủ Lý;
- UBND xã T, TP Phủ Lý;
- Các đương sự;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**  
(Đã ký)

**Nguyễn Thị Kim Ngân**

- Lưu hồ sơ.